

Trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại niêm yết: Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam

Nguyễn Thị Liên Hoa*, Nguyễn Thị Kim Ngân
Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

TỪ KHÓA

Trách nhiệm xã hội,
Hiệu quả tài chính,
Ngân hàng thương mại.

TÓM TẮT

Bài viết này sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng nhằm nghiên cứu ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội (Corporate social responsibility - CSR) đối với hiệu quả tài chính (Corporate financial performance - CFP) của 29 ngân hàng thương mại Việt Nam được niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2016 – 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy tác động tích cực của CSR đến ROE và ROA, trong khi đó, mối quan hệ giữa CSR và Tobin's Q lại cho thấy tác động theo chiều hướng tiêu cực nhưng không đáng kể. Với kết quả này, bài nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị và hàm ý chính sách nhằm nâng cao nhận thức về CSR và thiết lập chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho việc thực hiện CSR trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

1. Giới thiệu

Trong những năm gần đây, CSR đã trở thành một chủ đề quan trọng và được quan tâm đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Điều này đã thúc đẩy các công ty thực hiện CSR của họ, thể hiện vai trò và trách nhiệm của họ đối với nền kinh tế, cộng đồng và xã hội. Nó phản ánh chiến lược kinh doanh bền vững và lâu dài của các công ty. Thực hiện CSR có thể cải thiện CFP thông qua tác động tích cực đến lòng trung thành của khách hàng và giảm rủi ro đối với danh tiếng của doanh nghiệp. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Internet đã trở thành một công cụ quan trọng để chia sẻ thông tin về CSR, làm cho việc thực hiện CSR ngày càng được khuyến khích và mang lại nhiều lợi ích cho cả cộng đồng và doanh nghiệp. Và các ngân hàng cũng không ngoại lệ, điển hình trong

thập kỷ qua, chúng ta chứng kiến sự gia tăng đáng kể trong việc các ngân hàng tập trung vào các công bố liên quan đến CSR và CFP. Ngành ngân hàng mặc dù không tạo ra tác động trực tiếp đối với xã hội và môi trường như các ngành công nghiệp khác, nhưng lại đóng một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và có tầm ảnh hưởng lớn đến xã hội thông qua các hoạt động kinh doanh và quan hệ với đối tác và khách hàng. Tuy nhiên, thông tin về CSR có thể ảnh hưởng tiêu cực đến CFP nếu không được thực hiện một cách trung thực, chân thành và chỉ mang tính đối phó.

Hiện tại, các công ty ở các nền kinh tế đang phát triển áp dụng các tiêu chuẩn báo cáo GRI (Báo cáo Sáng kiến Toàn cầu). CSR cũng đã được các công ty đa quốc gia giới thiệu và phát triển tại Việt Nam sau những năm 2000. Cho đến năm 2015, Việt Nam mới có văn bản pháp luật đầu tiên quy định việc công

* Tác giả liên hệ. Email: hoatcdn@ueh.edu.vn (Nguyễn Thị Liên Hoa)

<https://doi.org/10.61602/jdi.2024.75.03>

Ngày nhận: 24/01/2024; Ngày chỉnh sửa: 28/02/2024; Duyệt đăng: 06/03/2024

ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

bộ thông tin CSR đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán đó là Thông tư 155/2015/TT – BTC (Bộ Tài chính, 2015). Trong bối cảnh hiện nay, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa CSR và CFP của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn khá ít (Nguyễn Văn Thích cộng sự (2022); Nguyễn Bích Ngọc, 2018). Nghiên cứu của các học giả Việt Nam khá đơn giản về phương pháp đo lường CSR và các chỉ số đại diện CFP so với các nghiên cứu tương tự về chủ đề này trong các tài liệu học thuật đã công bố. Do đó, bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu về “*Trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam*” với Bộ chỉ số CSR được đo lường theo tiêu chuẩn báo cáo GRI (Báo cáo Sáng kiến Toàn cầu) và Thông tư 155/2015/TT của Bộ Tài chính.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các lý thuyết tiền đề về mối quan hệ giữa CSR và CFP

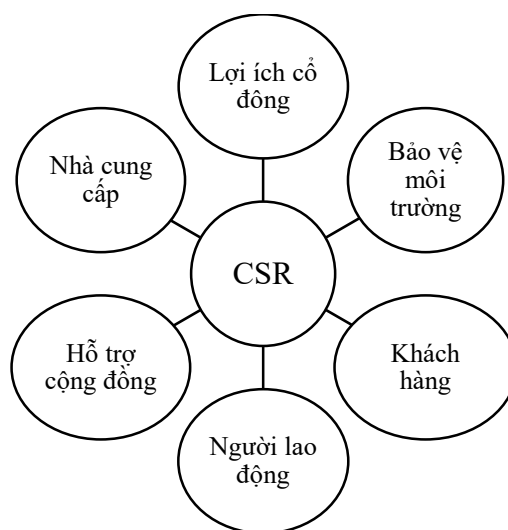
2.1.1. Định nghĩa

- Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (Corporate social responsibility - CSR): là một chủ đề quan trọng những thập kỷ gần đây nhưng vẫn chưa có định nghĩa thống nhất cho CSR trong lý thuyết và thực tiễn. Theo UNGC (Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc), CSR là một sáng kiến chính sách chiến lược dành cho các

doanh nghiệp cam kết điều chỉnh hoạt động và chiến lược của mình với mười nguyên tắc về nhân quyền, lao động, môi trường và chống tham nhũng (UNGC, 2010). Tuy nhiên, CSR phổ biến nhất được xác định bởi ISO năm 2010 (Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế). Nội dung CSR bao gồm 7 yếu tố cốt lõi: quản trị doanh nghiệp, quyền con người, đối xử với nhân viên, bảo vệ môi trường, công bằng trong hoạt động, quyền lợi của người tiêu dùng, và đóng góp cho cộng đồng xã hội. Đây là tài liệu hướng dẫn giúp các tổ chức thực hiện các hoạt động CSR.

Với sự không đồng nhất trong định nghĩa CSR, việc đo lường hiệu suất xã hội của các công ty cũng trở nên phức tạp. Nguyên nhân chính là do các phương pháp này dựa vào dữ liệu từ các công ty trong các quốc gia phát triển và tiêu chuẩn quốc tế về CSR. Vì vậy, các nhà nghiên cứu tại các quốc gia đang phát triển thường phải dựa vào dữ liệu thứ cấp để đánh giá hiệu quả của CSR. Do đó, nghiên cứu này sử dụng dữ liệu thứ cấp để định lượng chỉ số CSR bằng cách phân tích nội dung trong báo cáo thường niên và báo cáo bền vững.

- Hiệu quả tài chính (Corporate financial performance - CFP): là một chỉ số tương đối và chủ quan đo lường khả năng của một công ty trong việc tạo ra doanh thu từ tài sản và hoạt động kinh doanh chính. Có hai cách tiếp cận CFP chính: dựa trên chỉ số kế toán và dựa trên chỉ số thị trường. Ưu điểm của cách tiếp cận dựa trên chỉ số kế toán là nó có sẵn cho tất cả các công ty và có thể so sánh được một



Hình 1. Các thành phần tác động lên trách nhiệm xã hội

Nguồn: Feeman, 1984

cách hợp lý nhưng lại mang tính lịch sử. Còn cách tiếp cận dựa trên chỉ số thị trường ưu điểm là tính kịp thời của chúng, phản ánh những thay đổi trong CSR nhanh hơn dựa trên chỉ số kế toán nhưng chỉ áp dụng cho các công ty niêm yết đại chúng và chịu ảnh hưởng của các yếu tố thị trường có hệ thống (vd: suy thoái kinh tế). Do đó trong nghiên cứu này, tác giả xem xét và sử dụng cả hai chỉ số để làm thước đo CFP. Các chỉ số kế toán gồm ROE và ROA; chỉ số thị trường Tobin's Q để đo lường CFP của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam.

2.1.2. Các lý thuyết tiền đề

– Lý thuyết về các bên liên quan (Freeman, 1984) nhấn mạnh rằng các bên liên quan trong công ty không chỉ giới hạn ở cổ đông, mà còn bao gồm khách hàng, người lao động, cộng đồng, môi trường và nhà cung cấp mỗi nhóm này có quyền lực đàm phán khác nhau dựa trên tài nguyên mà họ đóng góp. Thực hiện hoạt động CSR một cách hiệu quả cũng xây dựng hình ảnh đáng tin cậy cho doanh nghiệp và tạo lợi thế cạnh tranh, cải thiện CFP (Franco và cộng sự, 2020).

– Lý thuyết đại diện (Jensen & Meckling, 1976) xem xét xung đột lợi ích giữa cổ đông và nhà quản lý. Cổ đông quan tâm đến CFP dài hạn và sự bền vững của công ty, trong khi nhà quản lý thì ngược lại, thường được trả thù lao dựa trên CFP ngắn hạn, do đó họ tập trung vào lợi ích cá nhân ngắn hạn thay vì lợi ích dài hạn của cổ đông. Điều này dẫn đến xung đột lợi ích, ví dụ như trong việc sử dụng tài sản và nguồn lực của công ty. Lý thuyết này đặt ra câu hỏi về cách quản lý xung đột lợi ích và tối ưu hóa



Hình 2. Mô hình “Kim tự tháp trách nhiệm xã hội”

Nguồn: Carroll Archie, 1991

đầu tư cho CSR mà vẫn đảm bảo CFP của tổ chức.

– Lý thuyết Carroll về CSR của doanh nghiệp (Carroll, 1991) tập trung vào sự quan trọng của việc tham gia vào hoạt động CSR. Carroll (1991) định rõ bốn thành phần quan trọng của CSR, được hiển thị như một kim tự tháp, với mỗi tầng mang ý nghĩa và mức độ kỳ vọng riêng biệt. Doanh nghiệp xác định trách nhiệm của mình dựa trên áp lực và kỳ vọng xã hội, tùy theo từng tầng trong kim tự tháp. Điều này giúp doanh nghiệp xác định cách thực hiện CSR và tương tác với xã hội một cách bền vững và đạo đức.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội và hiệu quả tài chính doanh nghiệp

2.2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy mối tương quan tích cực giữa CSR và CFP, CSR cải thiện hình ảnh doanh nghiệp và sự ủng hộ từ các bên liên quan nhằm cải thiện kết quả tài chính. Nghiên cứu của Shukla (2017) sử dụng lợi nhuận sau thuế, ROA, ROE và vốn hóa thị trường để đánh giá CFP của ngân hàng Ấn Độ, kết quả phân tích hồi quy cho thấy mối quan hệ tích cực giữa CSR và các thước đo khác nhau về CFP. Nghiên cứu của Oladele và Mokuolu (2020) áp dụng phân tích dữ liệu bảng làm kỹ thuật ước tính chính xác, kết quả cho thấy CSR có tác động tích cực đến CFP nhưng hiệu quả không đáng kể. George và cộng sự (2023) đã nghiên cứu xem xét mối liên hệ giữa CSR và CFP của 22 ngân hàng Ấn Độ từ năm 2016 – 2022. Các phát hiện cho thấy tác động tích cực của CSR đến CFP đo lường bằng chỉ số kế toán (ROA, ROE, NP) của các ngân hàng Ấn Độ. Tuy nhiên, không tìm thấy mối quan hệ đáng kể nào giữa CSR và CFP đo lường bằng chỉ số thị trường (P/E) của các ngân hàng Ấn Độ.

Ngược lại, một số nghiên cứu gần đây cũng đã tìm thấy tác động tiêu cực của CSR đối với CFP, do chi phí thực hiện CSR có thể ảnh hưởng xấu đến CFP. Ví dụ như nghiên cứu của Sharma và Aggarwal (2022). Nghiên cứu của Bani-Khale và cộng sự (2021) trên mẫu 13 ngân hàng thương mại Jordan giai đoạn 2008 – 2018, ngoài tác động tích cực của CSR đến ROE, nghiên cứu còn tìm thấy mối quan hệ tiêu cực giữa CSR với ROA và Tobin's Q. Mặt khác, nhiều nghiên cứu khác nhau đã ghi nhận không có mối liên hệ đáng kể nào giữa CSR và CFP. Nghiên cứu của Franco và cộng sự (2020) nhận thấy rằng

hoạt động CSR không nhất thiết tạo ra lợi ích tài chính thỏa đáng cho doanh nghiệp.

2.2.2. Các nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa CSR và CFP đang thu hút sự quan tâm rộng rãi trên toàn cầu, và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Thích cộng sự (2022) nhằm kiểm tra mối quan hệ giữa CSR và CFP của các ngân hàng hàng thương mại Việt Nam từ năm 2012 – 2019, kết quả cho thấy CSR có tác động tích cực đến CFP. Tuy nhiên, có nghiên cứu như của Nguyễn Bích Ngọc và cộng sự (2018) đã phát hiện mối quan hệ tiêu cực đáng kể giữa CSR và CFP (ROA làm chỉ số đo lường CFP) của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Tóm lại, tuy đã có nhiều nghiên cứu về CSR và CFP ở Việt Nam, nhưng vẫn còn hạn chế và không đủ để làm rõ mức độ ảnh hưởng của CSR đối với CFP.

Dựa trên những lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm ở trên, tác giả đưa ra giả thuyết rằng:

- Giả thuyết H₁: Trách nhiệm xã hội (CSR) có tác động tích cực đến Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở

hữu (ROE) của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam. ROE trong giả thiết này được sử dụng như một đại diện cho CFP doanh nghiệp.

- Giả thuyết H₂: Trách nhiệm xã hội (CSR) có tác động tích cực đến Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam. Giả thuyết H₂ xem xét tác động của CSR đến ROA được sử dụng trong nghiên cứu này như một đại diện cho CFP doanh nghiệp.

- Giả thuyết H₃: Trách nhiệm xã hội (CSR) có tác động tích cực đến Giá trị doanh nghiệp (Tobin's Q) của các ngân hàng thương mại niêm yết tại Việt Nam. Việc lựa chọn Tobin's Q làm biến phụ thuộc dựa trên cơ sở là các sáng kiến CSR tác động đến giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp.

Các giả thiết này cũng phù hợp với các nghiên cứu của Okafor, A. và cộng sự (2021).

3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được sử dụng trong bài nghiên cứu bao gồm 203 quan sát được thu thập từ 29 ngân hàng

Bảng 1. Tổng hợp các chỉ tiêu CSR cần đo lường mức độ công bố

Loại thông tin khai báo	STT	Chi tiết các khoản mục cần công bố	Tham chiếu theo các tiêu chuẩn tại GRI (Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI)
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Thông tư số 155/2015/TTBTC)	1	Tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	307-1
	2	Tạo điều kiện việc làm và có cơ hội thăng tiến	401-1
Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động (Thông tư số 155/2015/TTBTC)	3	Các chính sách phúc lợi đảm bảo gia tăng lợi ích cho người lao động	401-2
	4	Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật	401-3
	5	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người trong đơn vị	403-1
	6	Phát triển đội ngũ lao động đa dạng, không phân biệt đối xử	403-2
	7	Tuân thủ quy định của luật lao động trong bảo đảm quyền lợi	403-3
	8	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm	404-1
	9	Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp	404-2
Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương (Thông tư số 155/2015/TTBTC)	10	Các quỹ học bổng và quỹ hỗ trợ cho người nghèo	413-1
	11	Chương trình từ thiện, hiến máu nhân đạo	413-2
	12	Phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng địa phương	413-3
	13	Tài trợ cho các dự án về sức khỏe, ý tế cộng đồng	413-4
	14	Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và pháp luật tại địa phương	413-5
	15	Tạo công ăn việc làm và đào tạo nghề cho người địa phương	413-6

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

thương mại tại Việt Nam niêm yết trên 3 Sàn giao dịch chứng khoán HOSE, HNX và UPCOM. Các số liệu được lấy từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính khác trong giai đoạn 2016 – 2022 được thu thập từ website: <https://finance.vietstock.vn>. Mẫu nghiên cứu thỏa những tiêu chí sau: (i) Các doanh nghiệp được chọn liên quan và đang kinh doanh trong ngành ngân hàng tại Việt Nam, (ii) Các doanh nghiệp vẫn đang hoạt động liên tục, có đầy đủ số liệu trên sàn giao dịch trong giai đoạn nghiên cứu, không bị gián đoạn, phá sản.

3.2. Mô hình nghiên cứu và đo lường các biến

3.2.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên mô hình nghiên cứu của một số nghiên cứu trước đó của George và cộng sự (2023), Nguyễn Văn Thích và cộng sự (2022), Okafor và cộng sự (2021). Mô hình nghiên cứu được đề xuất sau đây được sử dụng để kiểm tra mối quan hệ giữa CSR và CFP:

$CFP (ROE, ROA, \text{Tobin's } Q) = f (CSR, \text{SIZE}, \text{LEV}, \text{AGE}, \text{CAP})$

Trong đó:

Biến phụ thuộc CFP được đo lường cụ thể:

$ROE_{i,t}$: Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp i tại năm t (mô hình 1)

$ROA_{i,t}$: Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản của doanh nghiệp i tại năm t (mô hình 2)

$\text{Tobin's } Q_{i,t}$: Giá trị của doanh nghiệp i tại năm t (mô hình 3). Tobin's Q : được tính theo tổng giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị sổ sách của các khoản nợ, sau đó chia cho giá trị sổ sách của tài sản.

Biến độc lập sẽ được trình bày ở Bảng 1 và các biến kiểm soát được trình bày ở phần sau.

Về phương pháp nghiên cứu, đầu tiên tác giả sử dụng các kỹ thuật Pooled OLS, FEM và REM, bên cạnh đó áp dụng kiểm định định F – test và Hausman để xác định mô hình hồi quy phù hợp. Thực hiện các kiểm định vi phạm giả thuyết như: kiểm định đa cộng tuyến, kiểm định phương sai thay đổi và kiểm định tự tương quan và khắc phục khuyết tật này bằng phương pháp FGLS (Feasible Generalized Least Squares – Bình phương tối thiểu tổng quát khả thi) để khắc phục các hiện tượng trong mô hình nghiên cứu này.

3.2.2. Đo lường các biến nghiên cứu

3.2.2.1. Biến độc lập – Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)

Tác giả áp dụng phương pháp phân tích nội dung để trích xuất CSR của các ngân hàng được công bố trong báo cáo thường niên, báo cáo tài chính hoặc trang web của họ. Quá trình này bao gồm ba bước chính. Đầu tiên, thiết kế các chỉ tiêu dựa trên Thông tư 155/2015/TT – BTC (Bộ tài chính, 2015) và Tiêu chuẩn GRI (2016). Tác giả đã thiết kế 15 chỉ tiêu để đánh giá mức độ công bố CSR theo ba tiêu chí: Trách nhiệm với môi trường, Trách nhiệm với người lao động, Trách nhiệm với cộng đồng. Sau đó, gán điểm cho từng chỉ tiêu dựa trên việc có hay không thông tin liên quan được tiết lộ. Chứng minh là những từ, cụm từ, câu, đoạn văn, hình ảnh, hình ảnh liên quan đến tiêu chí. Khả năng nghiên cứu trước đây đã thực hiện việc tính điểm theo cách này (Harun và cộng sự, 2020). Cuối cùng, chỉ số CSR được tính bằng điểm trung bình của tất cả các mục.

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
ROE	203	0.1209676	0.0805332	-0.0727619	0.3033156
ROA	203	0.0100816	0.0080883	-0.0260234	0.0365264
Tobin's Q	203	1.05012	0.0750723	0.9072426	1.444656
CSR	203	0.617734	0.1938343	0	1
SIZE	203	32.61081	1.323304	28.29223	35.29048
LEV	203	0.9092125	0.0471951	0.6142954	0.9593823
AGE	203	25.7931	11.17664	8	65
CAP	203	0.0103717	0.0100476	0.001358	0.0556276

Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 16

Bảng 3. Kết quả ma trận hệ số tương quan giữa các biến

Biến	ROE	ROA	Tobin's Q	CSR	SIZE	LEV	AGE	CAP
ROE	1.0000							
ROA	0.8604*	1.0000						
Tobin's Q	0.1384*	0.0843	1.0000					
CSR	0.3095*	0.2553*	-0.2497*	1.0000				
SIZE	0.6370*	0.4719*	-0.0615	0.5239*	1.0000			
LEV	0.1846*	-0.0748	-0.4516*	0.3163*	0.5424*	1.0000		
AGE	0.2368*	0.1069	0.1050	0.3688*	0.6042*	0.2551*	1.0000	
CAP	-0.4265*	-0.3450*	-0.1552*	0.0097	-0.2886*	-0.1662*	0.0895	1.0000

Ghi chú: với mức * tương ứng với mức ý nghĩa thống kê là 5%
Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 16

Bảng 4. Kết quả hồi quy mô hình FEM

	ROE	ROA	Tobin's Q
CSR	0.101*** [4.33]	0.00821*** [3.53]	-0.0171 [-0.53]
SIZE	0.0535** [2.53]	0.00987*** [4.67]	-0.0834*** [-2.87]
LEV	-0.0381 [-0.37]	-0.0298*** [-2.90]	-0.497*** [-3.50]
AGE	0.000797 [0.25]	-0.000302 [-0.95]	0.00779* [1.78]
CAP	-2.995*** [-3.44]	-0.172* [-1.97]	-1.783 [-1.49]
_cons	-1.641*** [-2.74]	-0.280*** [-4.68]	4.050*** [4.91]
N	203	203	203
R-sq	0.502	0.536	0.177

Ghi chú: với mức *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.
Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 16

Ta có mô hình đo tổng số điểm về mức độ công bố thông tin CSR của một doanh nghiệp như sau:

$$CSR = \sum di / nj$$

Với di là “1”, nếu chỉ tiêu di được công bố và “0” nếu chỉ tiêu di không được công bố, nj là số tối đa các chỉ tiêu cho doanh nghiệp thứ j và nj ≤ 15. Với 15 chỉ tiêu được đánh giá thì số điểm tối đa mỗi doanh nghiệp đạt được là 15 điểm.

3.2.2.2. Biến kiểm soát

- Quy mô doanh nghiệp (SIZE): được đo bằng logarit tự nhiên của tổng tài sản (Gonenc và Scholtens, 2019), (George & cộng sự, 2023).

- Đòn bẩy tài chính (LEV): được tính bằng tỷ lệ nợ trên tổng tài sản. George và cộng sự (2023) phát hiện mối quan hệ tiêu cực giữa LEV và CSR.

- Tuổi doanh nghiệp (AGE): ảnh hưởng đến CFP và CSR. Các công ty lâu đời hơn thường đầu tư và báo cáo nhiều hoạt động CSR hơn (Withisuphakorn & Jiraporn, 2017). Các doanh nghiệp trưởng thành quan tâm đến hình ảnh và tương tác với cộng đồng để cải thiện danh tiếng.

- Tỷ lệ tài sản cố định trên tổng tài sản (CAP): đánh giá tỷ lệ tài sản cố định trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Tác động của CAP đến CFP phụ thuộc vào ngữ cảnh và ngành của doanh nghiệp. Trong ngành ngân hàng, CAP cao có thể gây CFP

Bảng 5. Kết quả mô hình hồi quy FGLS

	ROE	ROA	Tobin's Q
CSR	0.106*** [6.87]	0.00562*** [3.94]	-0.0496*** [-2.97]
SIZE	0.0482*** [9.01]	0.00547*** [16.12]	0.00262 [0.69]
LEV	-0.397*** [-3.52]	-0.112*** [-14.66]	-0.663*** [-5.93]
AGE	-0.00146*** [-2.91]	-0.000200*** [-7.25]	0.00124*** [3.57]
CAP	-1.984*** [-3.93]	-0.0833*** [-2.68]	-1.608*** [-5.00]
_cons	-1.108*** [-7.63]	-0.0639*** [-7.27]	1.575*** [12.56]
N	203	203	203
R-sq			

Ghi chú: với mức *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.
Nguồn: Kết quả từ phần mềm Stata 16

kém do đầu tư không hợp lý.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Thống kê mô tả các biến

Thống kê mô tả cho thấy mức thực hiện hoạt động CSR trung bình 0.6 và dao động từ 0 đến 1, minh chứng cho sự khác biệt lớn giữa các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Sự khác biệt này do một số ngân hàng mới bắt đầu tham gia vào việc thực hiện CSR trong những năm gần đây khi văn bản pháp luật đầu tiên quy định về công bố thông tin CSR trên thị trường chứng khoán là Thông tư số 155/2015/TT – BTC được ban hành. Trong khi đó, các ngân hàng khác đã có những đóng góp lâu dài cho hoạt động CSR. Tác động của việc này thể hiện rõ ở ROE, ROA của các ngân hàng. Các chỉ số này dao động từ giá trị âm đến dương, ngụ ý rằng với việc giảm thực hiện các hoạt động CSR thì hiệu quả tài chính (ROE, ROA) của các ngân hàng cũng giảm. Tuy nhiên, Tobin's Q không bị ảnh hưởng nhiều.

4.1.2. Phân tích tương quan giữa các biến và kiểm định đa cộng tuyến

Theo Bảng 3, hệ số tương quan giữa các biến đa số dưới 0.5, với mỗi quan hệ giữa CSR, ROE, ROA và

Tobin's Q đạt ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Biến CSR có mối quan hệ cùng chiều với ROE và ROA, nhưng ngược chiều với Tobin's. Ngoài ra, hệ số tương quan nhỏ hơn 0.8 giữa các biến độc lập, nên không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng. Tuy nhiên, trước khi phân tích kết quả hồi quy, tác giả kiểm tra đa cộng tuyến và sử dụng phân tích VIF. Kết quả cho thấy giá trị VIF thấp dưới 10 cho thấy đa cộng tuyến thấp, đảm bảo tính tin cậy của kết quả.

4.1.3. Ước lượng các phương pháp Pooled OLS, FEM và REM

Vì dữ liệu tác giả sử dụng trong nghiên cứu này là dữ liệu dạng bảng nên tác giả kiểm tra bằng cách sử dụng phân tích hồi quy Pooled OLS, FEM và REM. Tác giả dựa vào kiểm định F – test để lựa chọn mô hình phù hợp nhất trong hai mô hình Pooled OLS và FEM, qua đó nhận định kết quả từ hồi quy bằng mô hình FEM tốt hơn so với hồi quy Pooled OLS.

Sau khi lựa chọn ra mô hình FEM phù hợp hơn mô hình Pooled OLS, tác giả sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn giữa hai mô hình FEM và REM. Kết quả kiểm định Hausman của ba biến phụ thuộc đều đưa ra kết luận mô hình phù hợp nhất để giải thích mối quan hệ giữa CSR và CFP với đại diện là ba biến phụ thuộc ROE, ROA, Tobin's Q là mô hình FEM.

4.1.4. Kiểm định khuyết tật của mô hình và khắc phục

Sau khi chọn được mô hình phù hợp là FEM, ta tiến hành kiểm định phương sai thay đổi, kiểm định tự tương quan và đa cộng tuyến cho mô hình FEM. Kết quả kiểm định thể hiện có hiện tượng phương sai thay đổi trong cả 3 mô hình với 3 biến phụ thuộc là ROE, ROA, Tobin's Q.

Về kiểm định tự tương quan, ROE là biến phụ thuộc có tự tương quan tuy nhiên, mô hình với ROA và Tobin's Q lần lượt là biến phụ thuộc thì không có tự tương quan. Để khắc phục các khuyết tật và tăng tính vững cho kết quả nghiên cứu, tác giả thực hiện kiểm định lại 3 mô hình bằng phương pháp FGLS.

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu theo mô hình FGLS

Nhìn chung, có thể thấy rằng tác động của các biến kiểm soát lên ba biến phụ thuộc đều có ý nghĩa thống kê và khá ổn định trên cả ba mô hình nghiên cứu.

– Tác động của CSR lên ROE của các ngân hàng thương mại: biến CSR có tác động đáng kể đến ROE 10,6% theo hướng tích cực, khi CSR tăng thì ROE tăng, phù hợp với giả thuyết H_1 . Tác động tích cực này cũng phù hợp với các lý thuyết đã đưa ra, cũng như tương đồng với các kết quả nghiên cứu trước đây (George & cộng sự, 2023; Nguyễn Văn Thích & cộng sự, 2022; Okafor & cộng sự, 2021).

– Tác động của CSR lên ROA của các ngân hàng thương mại: biến CSR có tác động nhỏ đến ROA 0,56% theo hướng tích cực, khi CSR tăng thì ROA tăng, phù hợp với giả thuyết H_2 . Tác động tích cực này cũng phù hợp với các lý thuyết đã đưa ra, cũng như tương đồng với các nghiên cứu trước đây (George & cộng sự, 2023; Nguyễn Văn Thích & cộng sự, 2022; Okafor & cộng sự, 2021).

– Tác động của CSR lên Tobin's Q của các ngân hàng thương mại: Mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là Tobin's Q, biến CSR tác động đến Tobin's Q 4,96% theo hướng tiêu cực, khi CSR tăng thì Tobin's Q giảm, không phù hợp với giả thuyết H_3 . Lý giải cho kết quả này có thể từ nguyên nhân việc thực hiện CSR ở Việt Nam mới được triển khai trong thời gian ngắn. Bắt đầu từ Thông tư 155/2015 – BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thì các doanh nghiệp mới bắt đầu công bố thông tin về lĩnh vực này. Với thời gian ngắn, doanh nghiệp chưa có nhiều sự hiểu biết, có thể đối mặt với các rủi ro pháp lý và phải chịu các khoản phạt hoặc chi phí pháp lý vì không tuân thủ các chuẩn mực xã hội và môi trường

hoặc vi phạm liên quan đến CSR. Lý do quan trọng nữa là doanh nghiệp chưa thực tế đầu tư hoặc đầu tư quá nhiều vào CSR mà không đảm bảo rằng nó vẫn duy trì CFP cao, có thể dẫn đến giảm Tobin's Q. Điều này có thể xảy ra nếu các hoạt động CSR không được quản lý hiệu quả dẫn đến lãng phí tài nguyên. Ngoài ra, các hoạt động CSR thường đòi hỏi sự đầu tư và chi phí, không nhất thiết phải tạo ra giá trị ngay lập tức. Do đó, việc tập trung vào CSR có thể ảnh hưởng đến giá trị ngắn hạn của công ty là Tobin's Q. Như vậy kết quả mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là Tobin's Q tuy đi ngược lại với giả thuyết H_3 nhưng phù hợp với thực trạng tại Việt Nam.

5. Kết luận và khuyến nghị các hàm ý chính sách

Nghiên cứu này xem xét tác động của CSR đối với CFP của ngân hàng thương mại, sử dụng mẫu 29 ngân hàng niêm yết ở Việt Nam từ 2016 – 2022. Kết quả cho thấy mối quan hệ đáng kể giữa CSR và ROE (10.6%), cho thấy việc thực hiện CSR có thể cải thiện lợi nhuận và CFP. Các biến kiểm soát SIZE, LEV, AGE và CAP cũng ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa CSR và CFP. CSR cũng có mối quan hệ tích cực với ROA, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đến các công ty quản lý tài sản tốt tạo ra của cải cho các cổ đông. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tiêu cực giữa CSR và Tobin's Q, phù hợp với tình hình thực tế ở Việt Nam.

Dựa trên những phát hiện, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị:

– Đối với chính phủ, cần tiếp tục cải thiện hệ thống pháp luật hiện hành tại Việt Nam để đặt nền tảng pháp lý vững chắc cho việc thực hiện CSR, tăng cường tuyên truyền và giáo dục để nâng cao nhận thức về CSR và thiết lập chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho việc thực hiện CSR trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức. Điều này có thể được thực hiện thông qua các cuộc hội thảo, đối thoại, hoặc chương trình giáo dục, nhấn mạnh vào các khía cạnh cụ thể của trách nhiệm xã hội và lợi ích mà nó mang lại.

– Đối với các ngân hàng, cần nâng cao nhận thức về CSR, đề xuất các chiến lược dài hạn thực hiện CSR, đào tạo cho nhà quản lý, khuyến khích lập Báo cáo CSR và xây dựng liên minh công đoàn mạnh mẽ để cải thiện các hoạt động CSR liên quan đến người lao động.

Các nhà quản lý cần nhận thức đúng về bản chất của trách nhiệm xã hội và áp dụng nó vào từng khía cạnh của hoạt động tổ chức. Việc này không chỉ đảm

bảo tuân thủ một cách đúng đắn mà còn tạo cơ hội để tận dụng trách nhiệm xã hội trong chiến lược kinh doanh của mình. Các Ngân hàng cần công bố hoạt động trách nhiệm xã hội của họ đến các bên liên quan, không chỉ tập trung vào chỉ số tài chính. Thông qua việc công bố thông tin về trách nhiệm xã hội trong báo cáo thường niên hoặc báo cáo bền vững, NH có cơ hội cải thiện hiệu suất tài chính, giảm thiểu rủi ro và tạo thương hiệu mạnh mẽ. Điều này không chỉ thu hút sự quan tâm từ nhà đầu tư mà còn tạo lòng trung thành từ người lao động và lòng tin từ cộng đồng và người tiêu dùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bani-Khaled, S. M., El Dalabeeh, A. R., Al-Olimat, N. H., & Al Shbail, M. O. (2021). Relationship between corporate social responsibility expenditures and performance in Jordanian Commercial Banks. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*.
- Carroll, A. (1991). The pyramid of corporate social responsibility: toward the moral management of organizational stakeholders. *Business Horizons*, 34(4), 39-48.
- Franco, S., Caroli, M. G., Cappa, F., & Del Chiappa, G. (2020). Are you good enough? CSR, quality management and corporate financial performance in the hospitality industry. *International Journal of Hospitality Management*, 88, 1-12.
- Freeman, R. E. (1984). Strategic management: A stakeholder approach. *Pitman Publishing*.
- George, A. K., Kayal, P., & Maiti, M. (2023). Nexus of Corporate Social Responsibility Expenditure (CSR) and Financial Performance: Indian Banks. *The Quarterly Review of Economics and Finance*.
- Gonenc, H., & Scholtens, B. (2019). Responsibility and performance relationship in the banking industry. *Sustainability*, 11(12), 3339.
- Harun, M. S., Hussainey, K., Kharuddin, K. A., & Al Farooque, O. (2020). CSR disclosure, corporate governance and firm value: A study on GCC Islamic banks. *International Journal of Accounting & Information Management*, 28(4), 607-638.
- Jensen, M., & Meckling, W. (1976). Theory of the Firm: Managerial Behavior, Agency Costs and Ownership Structure. *Journal of Financial Economics*, 3, 305-360.
- Nguyen, B. N. (2018). The effect of corporate social responsibility disclosure on financial performance: Evidence from credit institutions in Vietnam. *Asian Social Science*, 14(4), 109-122.
- Nguyen, V. T., Bui, H. T., & Le, C. H. (2022). The impacts of corporate social responsibility to corporate financial performance: A case study of Vietnamese commercial banks. *Cogent Economics & Finance*, 10(1).
- Okafor, A., Adeleye, B. N., & Adusei, M. (2021). Corporate social responsibility and financial performance: Evidence from US tech firms. *Journal of Cleaner Production. Journal of Cleaner Production*, 292.
- Oladele, P., & Mokuolu, J. (2020). Corporate Social Responsibility Expenditure and the Financial Performance of Quoted Firms in Nigeria. *International Journal of Research and Innovation in Social Science (IJRISS)*, 4(4), 4-10.
- Sharma, R., & Aggarwal, P. (2022). Impact of mandatory corporate social responsibility on corporate financial performance: The Indian experience. *Social Responsibility Journal*, 18(4), 704-722.
- Shukla, A. (2017). The Relationship Between Corporate Social Responsibility and Financial Performance of Indian Banks. *IUP Journal of Corporate Governance*, 16(2).
- Withisuphakorn, P., & Jiraporn, P. (2017). CEO age and CEO gender: Are female CEOs older than their male counterparts? *Finance Research Letters*, 22, 129-135.

Corporate social responsibility and coporate financial performance of commercial banks: Evidence from Vietnam

Nguyễn Thị Liên Hoa, Nguyễn Thị Kim Ngan
University of Economics Ho Chi Minh City

Abstract

This article employs panel data regression model to investigate the impact of Corporate Social Responsibility (CSR) on the Corporate Financial Performance (CFP) of 29 listed commercial banks in Vietnam from 2016 to 2022. The research results reveal the positive influence of CSR on ROE and ROA, whereas the relationship between CSR and Tobin's Q demonstrates a non-significant negative impact. Based on these findings, the study provides recommendations and policy implications to enhance awareness of CSR and establish encouraging policies and support for implementing CSR in the business operations of financial institutions.

Keywords: Corporate social responsibility, coporate financial performance, commercial banks